

Bản án số: 03/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 20- 01- 2026

Về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hà Thị Bích Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Kỳ

2. Bà Vũ Thị Luyến

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại hội trường Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: TDP YC, phường PY, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: TDP YC, phường PY, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị D có mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thu D trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến C kết hôn với nhau năm 2010, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Tiến (nay là phường Vạn Xuân) vào ngày 26/3/2010. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu, chung sống cùng gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C mãi chơi, tụ tập bạn bè, uống rượu không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ khoảng năm 2014 đến nay, anh C có những lúc có lỗi sống không lành mạnh, nhiều lần đi hát karaoke và có quan hệ

ngoài luồng với người phụ nữ khác. Từ đó anh chị bắt đầu bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, làm cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Đến tháng 8/2025, chị phát hiện anh C không chung thủy, ngoại tình với người khác nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, xô xát. Mặc dù được hai bên gia đình hoà giải, khuyên bảo nhưng chị không thể chịu đựng được nên đã dọn ra ngoài ở trọ, vợ chồng sống ly thân từ đó ở đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng anh C được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Hồng Diễm Ph, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 03/12/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu Ph vẫn sống cùng anh C, còn cháu D đã chuyển ra ngoài ở cùng với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, để anh C được nuôi cháu Ph và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị D xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung và khoản cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Tiến C thông báo thụ lý và giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C nhưng anh C không chấp hành, không đến Tòa án để làm việc, không thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung của chị D đối với anh.

Quá trình xác minh tại gia đình, mẹ đẻ của anh C là bà Huỳnh Thị H cung cấp như sau: Anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thu D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Tiến (nay là phường Vạn Xuân) vào năm 2010, trước khi cưới anh chị có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Sau khi cưới chị D về chung sống cùng với gia đình bà tại TDP YC, phường Ba Hàng (nay là phường PY), tỉnh Thái Nguyên. Thời gian trước đây anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xác như thế nào bà cũng không nắm được nhưng chỉ thấy có lần anh C, chị D cãi nhau về vấn đề sinh con trai, do anh C là con độc đinh trong gia đình nhưng chị D thì không đồng ý. Sau đó bà có nghe chị D nói lại là anh C đã có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần đứng ra để hoà giải cho anh chị nhưng không được. Hiện anh C đang làm công việc tự do (lái xe taxi) đi làm từ sáng đến tối muộn mới về nhà, việc chị D làm đơn ly hôn đến Tòa án thì anh C và gia đình đã được biết, tuy nhiên anh C có nói lại với bà là sẽ không đến Tòa án để làm việc, để chị D ly hôn đơn phương còn anh không bỏ cũng không đuổi chị D đi.

Về con chung, trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Hồng Diễm Ph, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 03/12/2018. Do mâu thuẫn nên từ tháng 8/2025 chị D cùng cháu D đã chuyển ra ngoài ở còn cháu Ph vẫn ở lại cùng bà và anh C. Về tài sản chung và nợ chung của chị D, anh C bà không nắm được. Nguyên vọng của gia đình là mong muốn anh chị có thể hàn gắn lại để cùng nhau nuôi dạy các con chung.

Quá trình giải quyết, do anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến quan điểm, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy chị D không yêu cầu Toà án tiếp tục tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phần tranh luận: Chị D giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh C; Về con chung: Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, để anh C được nuôi cháu Ph và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Chị D xác định không có nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND khu vực 2 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị D được ly hôn anh C.*

+ *Về con chung: Áp dụng 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao con chung Nguyễn Phương D, sinh ngày 03/12/2018 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Hồng Diễm Ph, sinh ngày 07/6/2011 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không có đề nghị gì về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.*

+ *Về tài sản chung: Chị D xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.*

+ *Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không xem xét.*

+ *Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp Ngân sách Nhà nước.*

+ *Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thu D khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Tiến C có đăng ký nhân khẩu thường trú TDP YC, phường PY, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 3, 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH về việc thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự số 81 ngày 25/6/2025 xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Quá trình giải quyết, anh C đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, QĐ đưa vụ án ra xét xử, QĐ hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, xét xử vắng mặt anh C theo quy định pháp luật.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, VKSND khu vực 2 - Thái nguyên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thu D và anh Nguyễn Tiến C tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐT, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND phường VX, tỉnh Thái Nguyên) ngày 26/3/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có một khoảng thời gian hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo như chị D trình bày là do anh C mãi chơi, không chăm lo cho gia đình, chị D và gia đình có khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Một thời gian sau đó anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống trở nên căng thẳng và không còn hạnh phúc, chị D đã bỏ ra ngoài ở từ tháng 8/2025 đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về phía anh C: Trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, do anh C không có nhà nên mẹ đẻ anh C đã nhận thay và cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, tuy nhiên anh C vẫn không đến Tòa án để làm việc cũng như trình bày quan điểm về việc chị D

xin ly hôn anh. Qua lời trình bày của mẹ đẻ anh C cho thấy quá trình chung sống giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn từ một vài năm nay, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, cách suy nghĩ dẫn đến nảy sinh cãi vã, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2025 đến nay và không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. mặt khác, anh C không đến Toà án để thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D, điều đó thể hiện sự không tôn trọng và chấp hành pháp luật của anh C, cũng như sự không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị và cũng không muốn níu kéo quan hệ vợ chồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân với anh C không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài và không có khả năng đoàn tụ. Trên thực tế, anh chị đã ly thân với nhau là vi phạm nghĩa vụ chung sống của vợ chồng, việc duy trì quan hệ hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị của VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hồng Diễm Ph, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 03/12/2018. Khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh C nuôi cháu Ph, chị không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con vì mỗi người đều nuôi 01 con chung. Phía anh C không thể hiện quan điểm về nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn.

HĐXX xét về công việc, thu nhập và điều kiện sống thì thấy: Chị D và anh C đều có công việc và thu nhập ổn định, anh C hiện đang sống cùng mẹ, còn chị D sau khi ly thân với anh C cũng đã thuê nhà ở riêng, cả hai bên đều có chỗ ở ổn định để nuôi dạy con cái. Tại đơn xin trình bày nguyện vọng của con chung, cháu Ph có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu D có mong muốn được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D của chị D là chính đáng, cháu Diễm còn nhỏ rất cần sự quan tâm và chăm sóc của mẹ để cháu ít nhiều không bị ảnh hưởng tâm lý. Đồng thời, cháu Ph cũng đang ở ổn định cùng với anh C và bà nội. Do vậy, để tránh sự thay đổi môi trường sống, ổn định tâm lý của các con chung, cần giao cháu Nguyễn Phương D cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hồng Diễm Ph cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sống thực tế và nguyện vọng của các con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì mỗi bên đều nuôi 01 con chung là ý chí tự nguyện. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết. Anh C không có quan điểm về nội dung này. Trường hợp sau này chị D, anh C có phát sinh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền làm đơn khởi kiện vụ án khác về cấp dưỡng.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Chị D xác định vợ chồng tự thoả thuận, anh C không thể hiện quan điểm nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: chị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự số 81 ngày 25/6/2025; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; Điều 3, 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Nguyễn Thu D đối với anh Nguyễn Tiến C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu D được ly hôn anh Nguyễn Tiến C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương D, sinh ngày 03/12/2018 cho chị Nguyễn Thu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; giao con chung Nguyễn Hồng Diễm Ph, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Nguyễn Tiến C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Chị D xác định tự thoả thuận về tài sản chung. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thu D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng phí đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên, biên lai thu số 0002018 ngày 04/11/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 2- Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường PY;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thị Bích Ngọc